CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Công nghệ HVC

Ngày 30/06/2025	14,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**27.1%**	**50.4%**

DT thuần
Q2/25
132
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 57.3| 77.3%
YoY: ▲ 15.0| 13.2%

LN thuần
Q2/25
13.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.60| 74.9%
YoY: ▲ 1.00| 8.4%

LN sau thuế
Q2/25
10.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.85| 81.7%
YoY: ▲ 1.22| 12.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
10.8%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE (TTM)
Q2/25
5.1%
YoY: +/-▼ 0.0%

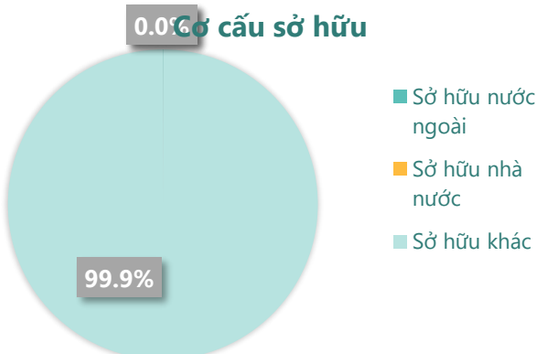
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,198 - 15,350
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	618
Số lượng CPLH (CP)	43,489,334
KLGD BQ 20 phiên (CP)	262,665
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.67
EPS	646
P/E	22.0

DT thuần
6T 2025
207
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.0| -6.2%

LN thuần
6T 2025
20.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.10| -13.0%

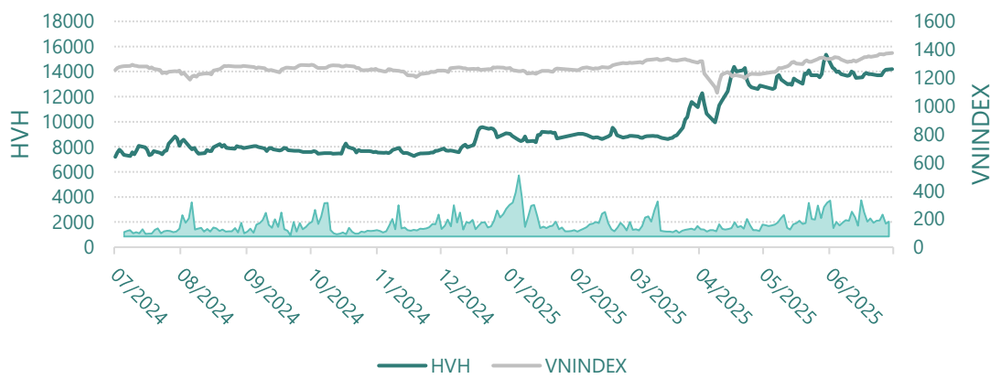
LN sau thuế
6T 2025
16.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.00| -10.7%

Cơ cấu sở hữu

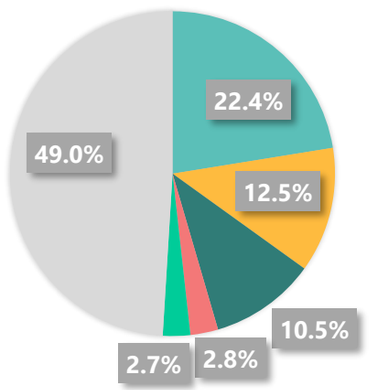


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

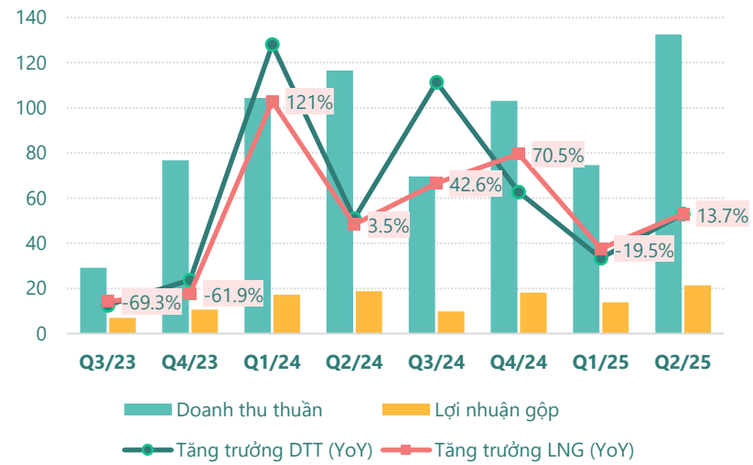


- Trần Hữu Đông (Chủ tịch HĐQT)
- Đỗ Huy Cường (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Lê Văn Cường (Tổng giám đốc)
- Trương Thanh Tùng (Thành viên HĐQT)
- Vũ Thị Ngà (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

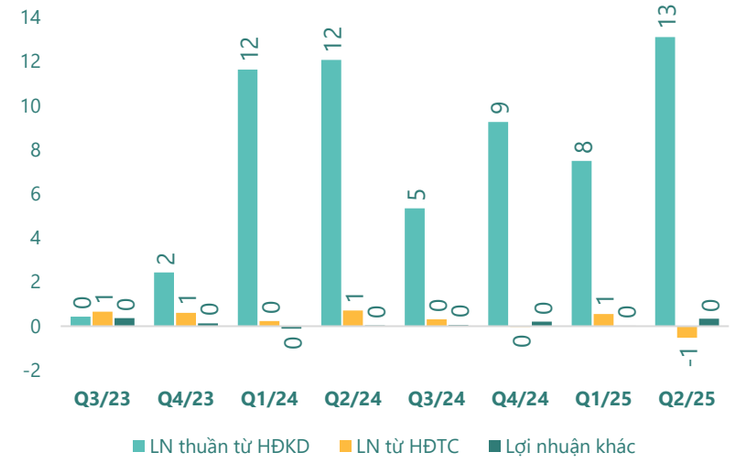
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



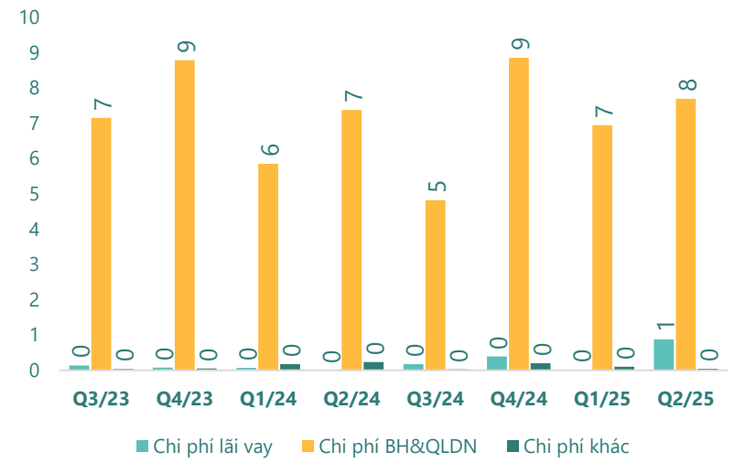
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



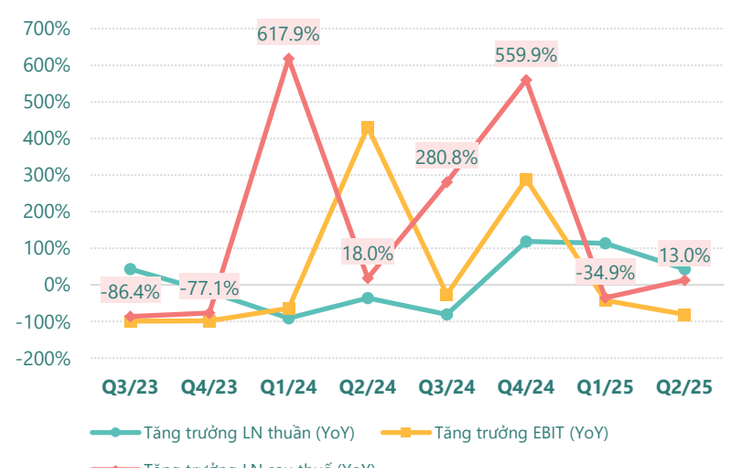
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



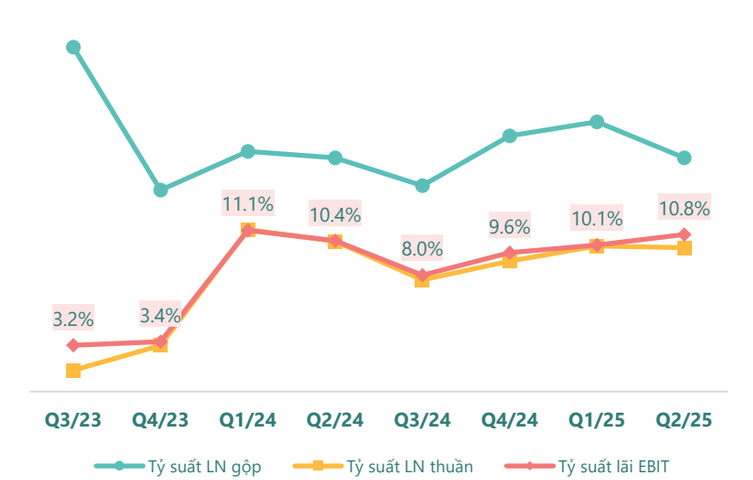
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



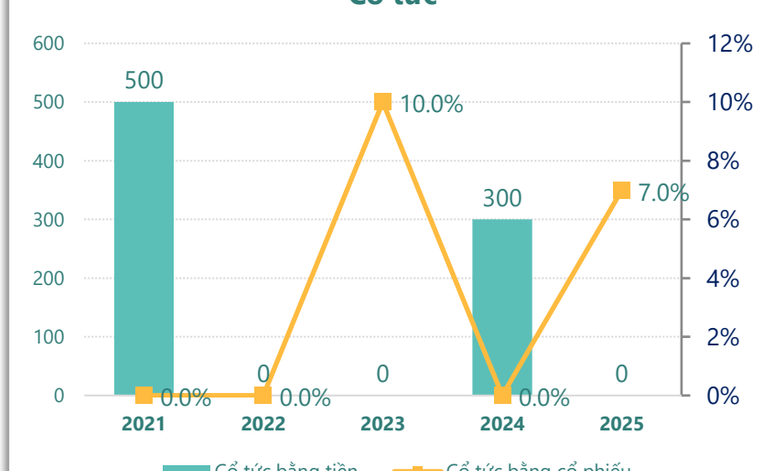
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

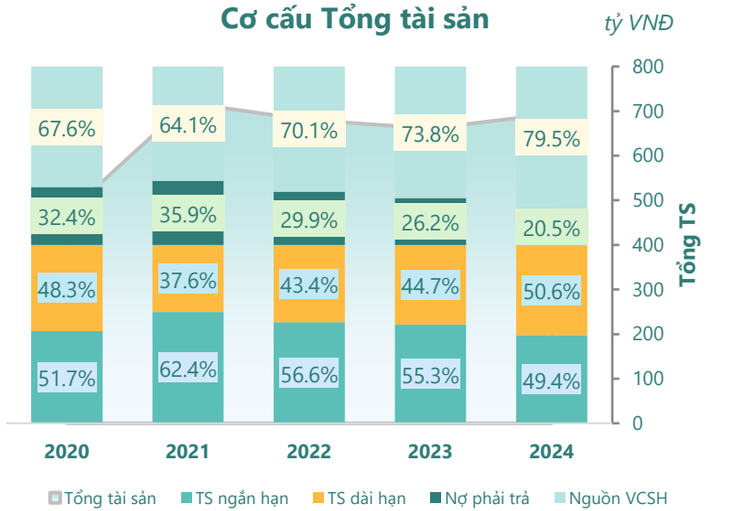
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

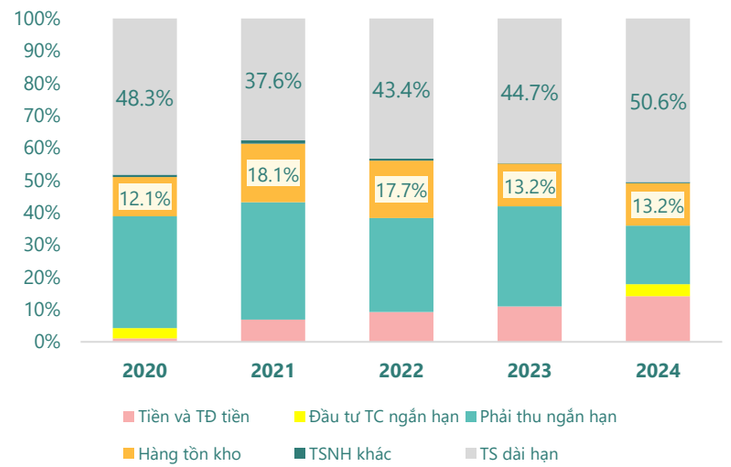
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



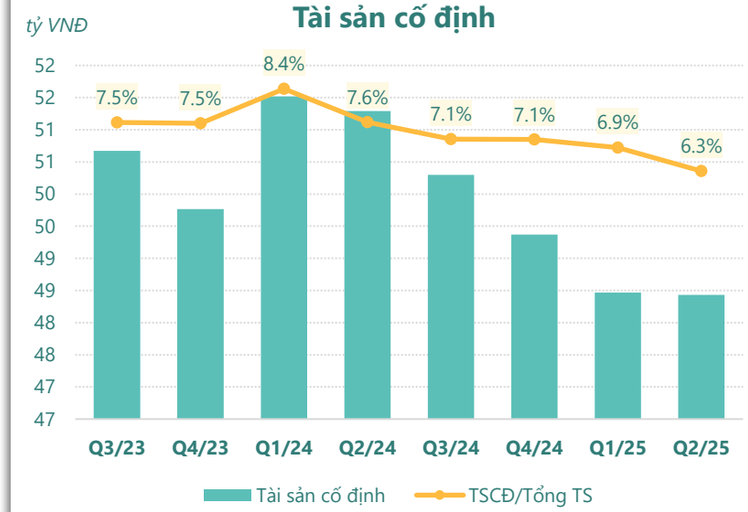
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



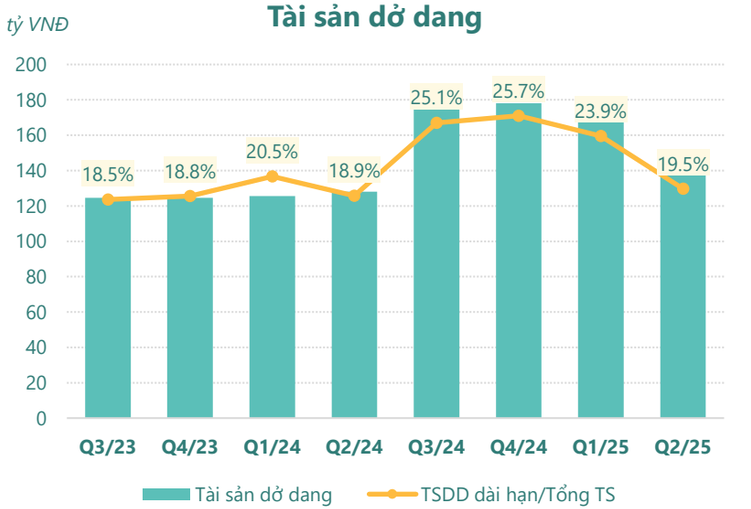
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



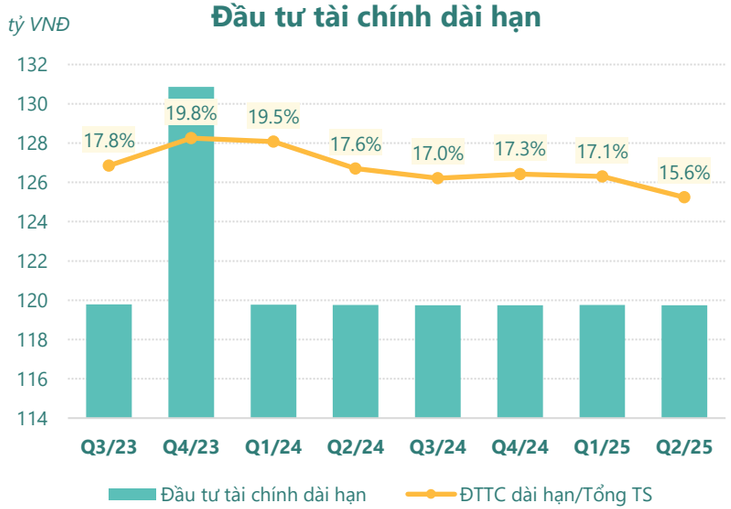
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



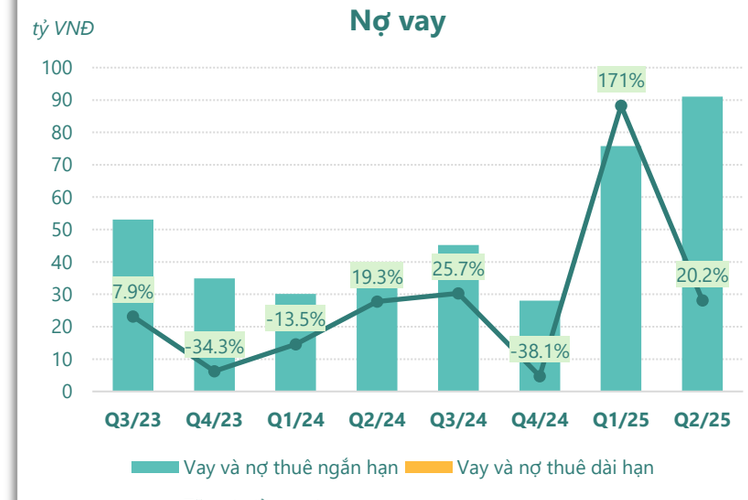
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

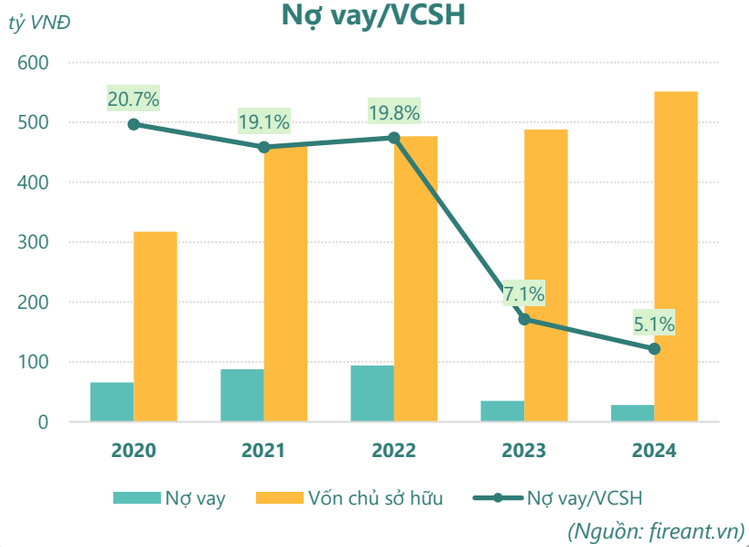
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

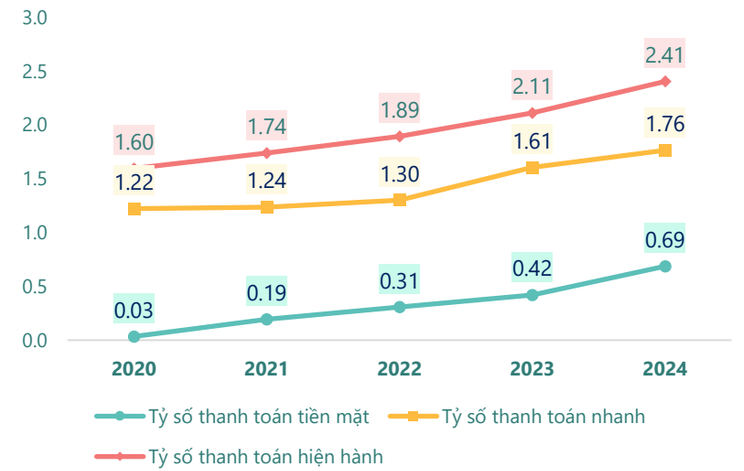
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



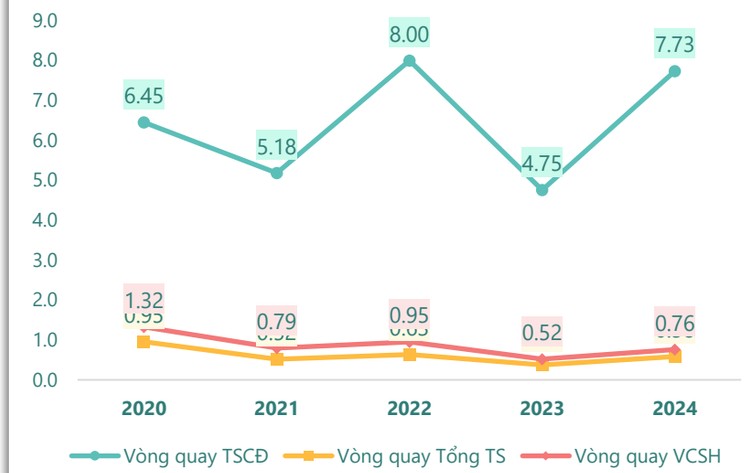
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



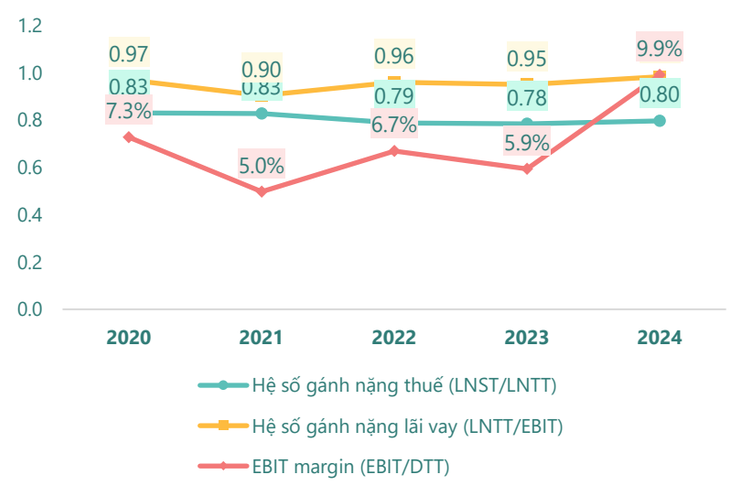
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



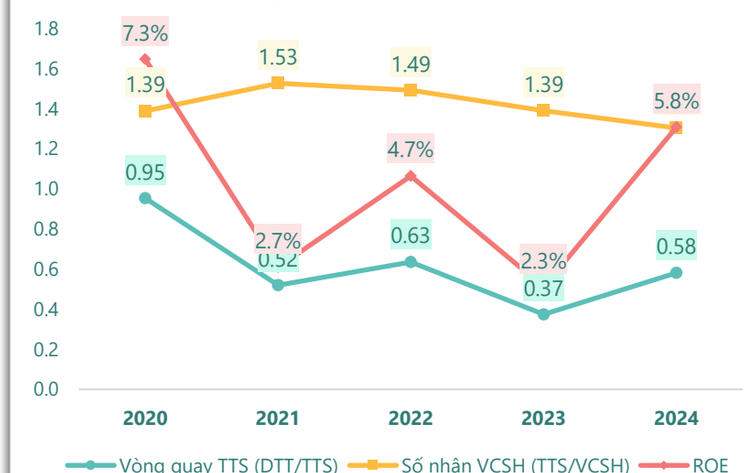
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



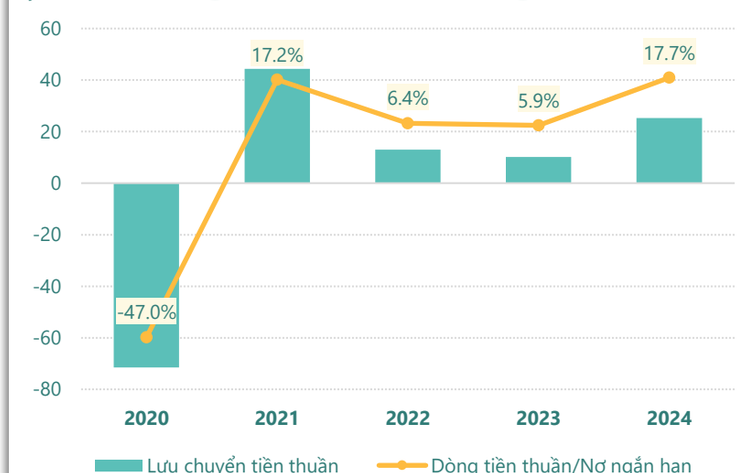
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**132**	**117**	**13.2%**	**207**	**221**	**-6.2%**
Giá vốn hàng bán	111	97.8	13.6%	172	185	-7.0%
Lợi nhuận gộp	21.3	18.8	13.5%	35.2	36.0	-2.2%
Doanh thu HĐTC	0.56	0.72	-22.4%	1.12	1.05	6.8%
Chi phí TC	1.08	0.01	10708%	1.09	0.11	933%
Chi phí lãi vay	0.87	0.00		0.89	0.07	1226%
LN trong công ty LKLD	**-0.01**	**-0.02**	**58.2%**	**0.00**	**-0.02**	**107%**
Chi phí bán hàng	-0.18	-0.41	55.5%	-0.06	-0.36	82.5%
Chi phí QLDN	**7.87**	**7.79**	**1.1%**	**14.7**	**13.6**	**8.1%**
LN thuần từ HĐKD	13.1	12.1	8.4%	20.6	23.7	-13.0%
Lợi nhuận khác	**0.33**	**0.03**	**1011%**	**0.36**	**-0.09**	**515%**
LN trước thuế	13.4	12.1	11.2%	21.0	23.6	-11.2%
Lợi nhuận sau thuế	**10.8**	**9.58**	**12.8%**	**16.8**	**18.8**	**-10.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.7**	**9.57**	**11.9%**	**16.5**	**18.7**	**-11.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.97	-0.47	43.2	33.1	-44.3	-19.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.57	-4.23	-50.5	-53.3	4.13	-10.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.71	39.8	20.6	10.6	37.6	13.2
Tiền đầu kỳ	72.7	59.4	94.5	108	98.0	95.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-13.2**	**35.1**	**13.2**	**-9.73**	**-2.65**	**-16.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	59.4	94.5	108	98.0	95.3	78.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**767**	**694**	**10.6%**
Tài sản ngắn hạn	446	343	30.0%
Tiền và tương đương tiền	78.8	98.0	-19.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.5	25.6	7.7%
Phải thu ngắn hạn	257	126	105%
Hàng tồn kho	81.8	91.3	-10.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.53	2.56	-79.4%
Tài sản dài hạn	**321**	**351**	**-8.4%**
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản cố định	48.4	49.4	-1.9%
Bất động sản đầu tư	2.81	2.81	0.0%
Tài sản dở dang	149	178	-16.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	120	120	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.13**	**1.02**	**10.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	201	143	41.2%
Nợ ngắn hạn	**201**	**143**	**41.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	91.1	28.0	225%
Phải trả người bán ngắn hạn	47.4	43.2	9.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**566**	**551**	**2.7%**
Vốn chủ sở hữu	**566**	**551**	**2.7%**
Vốn điều lệ	435	406	7.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)